

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 92/2021/HS-PT

Ngày 25 - 5 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Sỹ Tiến

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần và ông Nguyễn Hữu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 25/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78a/2021/TLPT-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Võ Thị H do có kháng cáo của bị hại gồm: bà Trần Thị H1, bà Trần Thị T1, bà Phan Thị Th, bà Thái Thị H2, bà Bùi Thị B, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Đ, bà Hà Thị M, bà Hoàng Thị H4 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2021/QĐXXPT-HS, ngày 29/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Họ và tên bị cáo:

Võ Thị H, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1961 tại xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm LQ, xã L, huyện Đ, tỉnh Nghệ An; Trình độ văn hóa: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con ông Võ Quang Th (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C (Đã chết); Chồng Võ Văn T, sinh năm 1960 (Thương binh) và có 05 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/9/2020, sau đó đến ngày 23/9/2020 bị tạm giam tại trại tạm giam Công An tỉnh Nghệ An (Có mặt).

- Bị hại kháng cáo:

1. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm LT, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Xóm LD, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

3. Bà Phan Thị Th, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm LD, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

4. Bà Thái Thị H2, sinh năm 1977,

Địa chỉ: Xóm L, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Vắng mặt*)

5. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1955,

Địa chỉ: Xóm L, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

6. Bà Trần Thị H3, sinh năm 1972,

Địa chỉ: Xóm L, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

7. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1964,

Địa chỉ: Xóm L, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

8. Bà Hà Thị M, sinh năm 1968,

Địa chỉ: Xóm LT, xã LS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

9. Bà Hoàng Thị H4, sinh năm 1954,

Địa chỉ: Xóm 2, xã ĐS, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. (*Có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 1996 đến nay bị cáo Võ Thị H chủ động huy động thành lập phường tiền cho nhiều người trong xã LS và các xã lân cận của huyện Đ tham gia. Cách thức hoạt động tổ chức phường như sau: Một số người có nhu cầu đi phường gặp trực tiếp Võ Thị H để đăng ký vào phường hoặc Võ Thị H sẽ liên hệ để một số người để tham gia. Khi mọi người đăng ký vào chơi phường đến ngày đấu (mua phường) đầu tiên của dây phường, những người tham gia phường đóng tiền phường đầy đủ thì Võ Thị H sẽ ghi tên, kèm theo số tiền vào sổ để theo dõi. Về hình thức đấu phường (Mua phường), đến ngày đấu phường, những người trong dây phường có nhu cầu đấu phường đến trực tiếp tại ki ốt của Võ Thị H tại chợ S, xã LS, huyện Đ để đấu phường. Còn ai trong dây phường có nhu cầu đấu phường nhưng không trực tiếp đến đấu thì nhờ Võ Thị H đấu hộ. Quá trình đấu phường, Võ Thị H phát phiếu cho những người có mặt một mẫu giấy nhỏ để ghi họ tên và số tiền đấu (số tiền đấu là số tiền lời) của dây phường đó, ghi xong mọi người đưa phiếu lại cho H, Võ Thị H mở phiếu công khai toàn bộ số tiền của những người trong dây phường tham gia. Người nào có số tiền đấu cao hơn là người trúng phường, trong vòng 05 ngày kể từ ngày đấu phường, Võ Thị H có trách nhiệm thu tiền của những người trong dây phường để đưa cho người đã trúng phường. Theo quy ước, Võ Thị H được bóc phường suất thứ 3 (gọi là suất cấp chủ) và không mất tiền đấu phường. Đồng thời, Võ Thị H được hưởng số tiền lời các tháng tiếp theo (các thành viên chưa đấu phường nộp bao nhiêu thì Võ Thị H cũng nộp bấy nhiêu) những người trong dây phường đã đấu được phường thì phải nộp nguyên suất cho người đấu được phường. Những người tham gia trong dây phường đa số không biết nhau, chỉ biết mỗi tháng mình phải đóng một số tiền cụ thể nhưng không biết mình ở dây phường nào, cùng với những ai, làm gì, ở đâu. Do tin tưởng Võ Thị H nên khi bắt đầu tham gia vào dây phường các thành viên không hỏi bị cáo có những người nào tham

gia, kể cả vào thời điểm nộp tiền phường hàng tháng cũng không hỏi người nào trúng phường. Từ khi thành lập phường cho đến khi bị cáo H ra đầu thú, H đã thành lập các dây phường với số tiền từ 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*) đến 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*). Tất cả các dây phường, Võ Thị H đều tham gia 01 suất phường. Trong quá trình làm chủ phường Võ Thị H xác định được có hai nhóm người tham gia phường để chiếm đoạt tiền của họ gồm: Nhóm thứ nhất là những người khi đến ngày đầu phường không trực tiếp đến đầu phường mà nhờ Võ Thị H đầu hộ. Lợi dụng việc này, khi đầu phường bị cáo tính toán số tiền lời cần đầu để ghi vào phiếu của người nhờ đầu hộ nhằm giúp người này trúng phường rồi công khai toàn bộ số phiếu cho những người tham gia đầu phường biết. Sau khi đầu trúng phường, bị cáo nói dối người nhờ là không trúng phường, mục đích để chiếm đoạt số tiền đầu phường; nhóm thứ hai là những người tham gia phường để hưởng tiền lời hàng tháng, những người này thường để đến tháng cuối mới bóc phường (hay còn gọi là *đội sổ*) để thêm tiền lãi. Đến ngày đầu phường hàng tháng, Võ Thị H lợi dụng những người này không đến đầu phường, H “mượn danh” một trong những người này để ghi vào phiếu đầu với số tiền lời tính toán cao nhất, bị cáo công khai phiếu đầu trúng phường cho những người tham gia đầu biết. Sau đó H đi thu tiền phường của tất cả các thành viên tham gia phường nhằm chiếm đoạt toàn bộ số tiền phường về để chi tiêu cá nhân. Nếu có ai hỏi người nào trúng phường thì Võ Thị H đưa ra thông tin một cái tên nào đó đã trúng phường mà người này không biết. Mặc dù, Võ Thị H dùng thủ đoạn nêu trên để chiếm đoạt tiền phường của những người tham gia trong dây phường, nhưng có lúc Võ Thị H không tính toán được hết nên vẫn có những thành viên đầu trúng phường. Đầu năm 2019, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của những người tham gia chơi phường. Với suy nghĩ đó, H tiếp tục lập ra các dây phường để thực hiện hành vi phạm tội của mình.

Cụ thể như sau:

Ngày 20/3/2019, Võ Thị H thành lập dây phường 2.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất và sẽ kết thúc phường vào ngày 20/5/2020. Những người tham gia phường gồm: Trần Thị H1 sinh năm 1970, Lê Thị Q, sinh năm 1963 đều trú tại xóm LT, xã LS, huyện Đ, mỗi người 01 suất; Trần Thị T1, sinh năm 1954, Phan Thị Th, sinh năm 1965 đều trú tại xóm LD, xã LS, huyện Đ, mỗi người 01 suất; Thái Thị H2, sinh năm 1977, Bùi Thị B, sinh năm 1955, Trần Thị H3, sinh năm 1972, Trần Thị Đ, sinh năm 1964, Trần Thị Kim Q1, sinh năm 1978, Phạm Thị H5, sinh năm 1976, đều trú tại xóm L, xã LS, huyện Đ, mỗi người 01 suất; Hà Thị M sinh năm 1968, trú tại xóm Lưu Trung, xã LS, huyện Đ, 01 suất; Hoàng Thị H4, sinh năm 1954, trú tại xóm 2, xã ĐS, huyện Đ, 02 suất; Hồ Thị L, sinh năm 1967, trú tại Xóm 3, xã ĐS, huyện Đ, 01 suất và bị cáo (chủ phường) 01 suất. Ngày 23/4/2020, Võ Thị H nhận thấy ở mỗi dây phường có nhiều thành viên *đội sổ* (Lấy suất phường cuối cùng) H không có khả năng

trả tiền, xác định hành vi của mình sẽ bị lộ nên H đã rời khỏi địa phương một thời gian sau đó quay và dừng mọi hoạt động của phường. Ngày 14/9/2020 Võ Thị H đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã chứng minh được 05 (năm) người với tổng 05 suất phường đã đầu và nhận được tiền phường gồm: chị Phạm Thị H5 01 suất, bà Hồ Thị L 01 suất, chị Trần Thị Kim Q, 01 suất, bà Lê Thị, Q1 01 suất và bị cáo (chủ phường) 01 suất. Như vậy, Võ Thị H đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Trần Thị H1, 14 suất phường với tổng số tiền 24.950.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị T1 14 suất phường, tổng số tiền: 24.350.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*); chị Thái Thị H2 14 suất phường, tổng số tiền: 23.100.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng*); bà Hà Thị M 14 suất phường, tổng số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Bùi Thị B 14 suất phường, tổng số tiền: 24. 295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Trần Thị H3 14 suất phường, tổng số tiền: 26.640.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị Đ 13 suất phường, tổng số tiền: 22.640.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); bà Phan Thị Th 14 suất phường, tổng số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Hoàng Thị H4 26 suất phường, tổng số tiền: 45.600.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*). Tổng cộng Võ Thị H thực hiện hành vi lừa đảo dưới hình thức chơi phường của 9 người với tổng số tiền là: 240.165.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*)

Ngoài ra trong quá trình điều tra phát hiện Võ Thị H còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hình thức chơi phường với các dây phường do Võ Thị H thành lập ngày 14/02/2019, mức góp phường 1.000.000 đồng/1suất/1 tháng gồm 20 suất, kết thúc phường vào ngày 14/9/2020; dây phường ngày 14/02/2019, mức góp phường 2.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất, kết thúc phường vào ngày 14/4/2020; dây phường ngày 01/3/2019, mức góp phường 1.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất, kết thúc phường vào ngày 01/5/2020; dây phường ngày 04/5/2019, mức góp phường 2.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất, kết thúc phường vào ngày 04/7/2020. Trong các dây phường này, cơ quan điều tra đã xác định được Võ Thị H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của một số người, nhưng chưa xác định được đầy đủ những người tham gia, mặc dù đã có thông báo tìm kiếm những người có liên quan nhưng chưa có kết quả. Hiện tại Cơ quan điều tra đã có Quyết định tách vụ án với các hành vi của Võ Thị H liên quan đến các dây

phường này, cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra, xác minh khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

- Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Lê Thị H2; 01 (Một) tờ giấy ghi các chữ số của bà Nguyễn Thị N; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Hoàng Thị H4; 02 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Trần Thị V; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Trần Thị Ph; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Phạm Thị H5; 02 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Trần Thị Nh; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Phan Thị Th; 02 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Trần Thị T1; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Nguyễn Thị V; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của ông Trần Văn N; 01 (Một) tờ giấy A4 ghi các chữ số của bà Hà Thúy H6. Vật chứng vụ án là những tờ giấy ghi các chữ số, Cơ quan điều tra đưa vào trong hồ sơ vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại bà Trần Thị H1 yêu cầu bị cáo Võ Thị H trả lại số tiền 24.950.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị T1 yêu cầu bị cáo Võ Thị H trả lại số tiền: 24.350.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*); chị Thái Thị H2 yêu cầu bị cáo Võ Thị H trả lại số tiền 23.100.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng*); bà Hà Thị M yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Bùi Thị B yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Trần Thị H3 yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 26.640.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); bà Trần Thị Đ yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 22.640.000 đồng (*Hai mươi hai triệu sáu, trăm bốn mươi nghìn đồng*), bị can H đã trả được 6.000.000 đồng (*sáu triệu đồng*) nay yêu cầu trả lại 16.640.000 đồng (*mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*); bà Phan Thị Th yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); bà Hoàng Thị H4 yêu cầu Võ Thị H trả lại số tiền: 45.600.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 06/2021/HS-ST, ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Ô Lươg, tỉnh Nghệ An quyết định tuyên bố bị cáo Võ Thị H phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Võ Thị H 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ bị cáo ngày 14/9/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 586 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Võ Thị H phải bồi thường cho các bị hại gồm:

- + Bồi thường cho bà Trần Thị H1 số tiền 24.950.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Trần Thị T1 số tiền: 24.350.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Thái Thị H2 số tiền 23.100.000 đồng (*Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Hà Thị M số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Bà Bùi Thị B số tiền: 24. 295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Trần Thị H3 số tiền: 26.640.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Trần Thị Đ số tiền: 22.640.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ đi số tiền đã trả trước 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 16.640.000 đồng (*Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Phan Thị Th số tiền: 24.295.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*);
- + Bồi thường cho bà Hoàng Thị H4 số tiền: 45.600.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hướng dẫn thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và bị hại.

Ngày 05/02/2021, các bị hại bà Trần Thị 1, bà Trần Thị T1, bà Phan Thị Th, bà Thái Thị H2, bà Bùi Thị B, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Đ, bà Hà Thị M và bà Hoàng Thị H4 ký chung 01 đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, buộc bị cáo phải nhận hình phạt thích đáng và giải quyết việc đền bù thiệt hại cho tất cả bị hại. Ngày 08/02/2021, các bị hại gồm bà Trần Thị H3, bà Hà Thị M, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị T1, bà Trần Thị H1, bà Phan Thị Th, bà Hoàng Thị H3 có các đơn kháng cáo với nội dung như đơn kháng cáo nộp ngày 05/02/2021 nêu trên.

Tại phiên tòa, các bị hại đều giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

Về đơn kháng cáo của các bị hại làm trong hạn luật định, nội dung hình thức đơn kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật cho nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Kháng cáo của các bị hại về nội dung bị cáo đã chiếm đoạt của nhiều người với số tiền hàng tỷ đồng, nhưng Tòa án sơ thẩm không xét xử, chỉ buộc bị cáo bồi thường trong một dây phườn cho người bị hại là chưa thỏa đáng, vì ngoài dây phườn này bị cáo còn nhận tiền phườn của các bị hại ở các dây phườn khác. Tất cả bị hại đều đề nghị tăng nặng hình phạt với bị cáo bởi

khung hình phạt cao nhất về tội mà bị cáo gây ra là 15 năm tù, án sơ thẩm xét xử 8 năm tù là quá thấp. Xét kháng cáo về bồi thường thiệt hại của các bị hại là không có cơ sở, bởi cơ quan điều tra đã kết luận số tiền thiệt hại trong dây phùng ngày 20/3/2019, được Tòa án cấp sơ thẩm xác định và buộc bị cáo bồi thường đúng với yêu cầu của người bị hại. Các thiệt hại trong các dây phùng khác cơ quan điều tra chưa xác định được, hiện nay cơ quan điều tra đã có quyết định tách vụ án và đang tiếp tục điều tra. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc bị cáo bồi thường thiệt hại đã được xác định là đúng pháp luật. Về yêu cầu tăng hình phạt với bị cáo, xét bản án sơ thẩm đã căn cứ vào tang số thiệt hại tài sản, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự với bị cáo, xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chồng bị cáo là tH binh là các tình tiết giảm nhẹ quy định ở điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cho nên đã quyết định xử phạt bị cáo 8 năm tù là mức án phù hợp, đúng với tính chất hành vi, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Từ nhận định trên Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo và bị hại không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử tăng hình phạt đối với bị cáo và buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Ngay sau khi xét xử sơ thẩm, những người bị hại kháng trong thời hạn luật định. Hình thức và nội dung đơn kháng cáo của bị cáo phù hợp với quy định pháp luật cho nên có cơ sở để được xem xét theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng: Ngày 20/3/2019, Võ Thị H thành lập dây phùng tiền 2.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất cho 14 người chơi phùng. Với thủ đoạn gian dối, bị cáo tạo lòng tin với những người tham gia phùng rồi chiếm đoạt số tiền phùng của họ. Các thủ đoạn mà bị cáo thực hiện một là, khi người chơi phùng nhờ đầu phùng hộ, bị cáo đầu trúng với mọi giá để được nhận tiền và chiếm đoạt, còn báo cho người nhờ đầu phùng là không trúng. Hai là, lợi dụng những người chơi phùng để đến những tháng cuối mới bóc phùng mong có thêm tiền lãi, bị cáo mao danh những người này đầu phùng và đầu trúng với mọi giá để nhận tiền và chiếm đoạt, cuối cùng thì không có khả năng chi trả. Cụ thể, bị cáo chiếm đoạt của bà Trần Thị H1 14 suất phùng với tổng số tiền 24.950.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm năm*

mười nghìn đồng); bà Trần Thị T1 14 suất phường, tổng số tiền: 24.350.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng); bà Phan Thị Th 14 suất phường, tổng số tiền: 24.295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng); bà Thái Thị H2 14 suất phường, tổng số tiền: 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng); bà Bùi Thị B 14 suất phường, tổng số tiền: 24.295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng); chị Trần Thị H3 14 suất phường, tổng số tiền: 26.640.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); bà Trần Thị Đ 13 suất phường, tổng số tiền: 22.640.000 đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng); bà Hà Thị M 14 suất phường, tổng số tiền: 24.295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng); bà Hoàng Thị H4 26 suất phường, tổng số tiền: 45.600.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng số tiền mà Võ Thị H lừa đảo chiếm đoạt dưới hình thức chơi phường của 9 người là: 240.165.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị H về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị hại: Mặc dù bị hại cho rằng bị cáo Võ Thị H lừa đảo rất nhiều người với số tiền lên đến hàng tỷ đồng, không chỉ lừa đảo ở dây phường này mà còn lừa đảo chiếm đoạt tiền ở 4 dây phường khác. Bà Trần Thị H3 có đơn trình báo bà còn bị Võ Thị H nợ 60 triệu đồng với 5 dây phường khác, tuy nhiên trong vụ án này, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chỉ mới đủ căn cứ kết luận và truy tố Võ Thị H đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản ở dây phường thành lập ngày 20/3/2019, loại 2.000.000 đồng/1 suất/tháng với 15 suất và sẽ kết thúc phường vào ngày 20/5/2020. Còn các dây phường khác do chưa xác định được đầy đủ những người tham gia chơi phường trong cùng một dây phường, chưa xác định được tang số mà bị cáo chiếm đoạt; các dây phường hoàn toàn độc lập với nhau, Cơ quan điều tra Công an huyện Đô Lương đã có quyết định tách vụ án với hành vi lừa đảo ở các dây phường này và đang tiếp tục điều tra, khi có kết quả sẽ xử lý. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương chỉ xét xử bị cáo Võ Thị H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên cơ sở kết quả điều tra và truy tố của Viện kiểm sát với dây phường ngày 20/3/2019, Võ Thị H thành lập và số tiền 240.165.000 đồng mà bị cáo chiếm đoạt của chín người bị hại là đúng quy định tại khoản 1 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với các thiệt hại ở các dây phường khác như yêu cầu của các bị hại sẽ được xem xét giả quyết khi có kết luận của cơ quan điều tra.

Võ Thị H đã thành lập dây phường tiền 2.000.000 đồng/1 suất/1 tháng gồm 15 suất cho 14 người chơi phường ngày 20/3/2019, Võ Thị H dùng thủ đoạn gian dối tạo lòng tin của các thành viên tham gia phường rồi chiếm đoạt

240.165.000 đồng của 9 người tham gia phường. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 BLHS; các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, có chồng ông Võ Văn T6 là thương binh và được Bộ công an tặng kỷ niệm chương bảo vệ an ninh tổ quốc, quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Võ Thị H: 8 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ và đúng người, đúng tội. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chín người bị hại về việc tăng hình phạt, cũng như tăng mức bồi thường thiệt hại, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Bị hại kháng cáo về dân sự không được chấp nhận cho nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Đối với những bị hại là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm e, khoản 2, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại bà Trần Thị H1, bà Trần Thị T1, bà Phan Thị Th, bà Thái Thị H2, bà Bùi Thị B, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Đ, bà Hà Thị M và bà Hoàng Thị H4 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Võ Thị H phạm tội: "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

- Xử phạt bị cáo Võ Thị H 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo ngày 14/9/2020.

2. Trách nhiệm dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 586 của Bộ luật dân sự:

Buộc Võ Thị H phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại gồm:

- + Bồi thường cho bà Trần Thị H1 số tiền 24.950.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng)
- + Bồi thường cho bà Trần Thị T1 số tiền: 24.350.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà Thái Thị H2 số tiền 23.100.000 đồng (Hai mươi ba triệu, một trăm nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà Hà Thị M số tiền: 24.295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà bà Bùi Thị B số tiền: 24. 295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà Trần Thị H3 số tiền: 26.640.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà Trần Thị Đ số tiền: 22.640.000 đồng (Hai mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), nhưng được trừ đi số tiền đã trả trước 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) nay bị cáo còn phải bồi thường số tiền còn lại là 16.640.000 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)
- + Bồi thường cho bà Phan Thị Th số tiền: 24.295.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng);
- + Bồi thường cho bà Hoàng Thị H4 số tiền: 45.600.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của BLDS năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bị hại bà Trần Thị H1, bà Phan Thị Th, bà Thái Thị H2, bà Trần Thị H3, bà Trần Thị Đ và bà Hà Thị M mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Trần Thị T1, bà Bùi Thị B, bà Hoàng Thị H4 là người cao tuổi cho nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- TAND H. Đô Lương;
- VKSND H. Đô Lương;
- CQ Điều tra CA H.Đô Lương;
- C. Cục THADS H. Đô Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại,
- UBND xã LS;
- Lưu HSVA, Tòa hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Sỹ Tiến